

Số: 2560 /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng; Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-TTg ngày 24/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 869/QĐ-TTg ngày 16/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 1494/QĐ-BNN-KH ngày 03/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu, tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm thuộc Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bạc Liêu: Số 822/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu; Số 952/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 sửa đổi bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu ban hành kèm theo Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ: Văn bản số 2460/UBND-KT ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Bạc Liêu thống nhất về đề án vị trí việc làm và cơ cấu tổ chức theo chức danh nghề nghiệp đến năm 2030 của Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu; Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc thành lập Trung tâm kiểm nghiệm nông nghiệp công nghệ cao trực thuộc Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu; Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao trực thuộc Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu; Văn bản số 2483/UBND-KT ngày 11/6/2020 thống nhất phân công nhiệm vụ tổ chức Hội nghị, hội thảo, Hội chợ và các sự kiện có liên quan của ngành tôm tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu;

Xét văn bản số 3796/BNN-KHCN ngày 08/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án “Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu”;

Xét Tờ trình số 65/TTr-KCNC ngày 08/6/2020 của Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu về việc thẩm định dự án đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu và các hồ sơ, tài liệu liên quan;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch (kèm báo cáo thẩm định số 1239/BC-TCTS-KHTC ngày 30/6/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu.
2. Chủ đầu tư: Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu.
3. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nuôi tôm công nghệ cao để sản xuất các chế phẩm phục vụ ngành công nghiệp tôm Việt Nam có năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng cao, làm cơ sở nhân rộng ra các vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao khác của tỉnh Bạc Liêu,

Bán đảo Cà Mau, Đồng bằng Sông Cửu Long và cả nước; góp phần thực hiện mục tiêu xuất khẩu tôm 10 tỷ USD vào năm 2025.

4. Nội dung đầu tư:

Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu trên diện tích 103,31ha. Bao gồm những hạng mục công trình: Trụ sở điều hành; Công trình hạ tầng giao thông; Công trình hạ tầng hệ thống thông tin (tuyến công, bể để kéo cáp thông tin); hệ thống cấp nước sinh hoạt; Công trình xử lý nước thải tập trung và công trình phụ trợ khác.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thanaco và Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư Đông Bắc.

6. Chủ nhiệm dự án: Lê Minh Diệp (Chứng chỉ hành nghề số KS - 027-03215, do Sở Xây dựng Tuyên Quang cấp ngày 09/10/2015).

7. Địa điểm xây dựng: Xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

8. Diện tích sử dụng đất: 103,31 ha.

9. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp III.

10. Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

11. Quy mô đầu tư, phương án xây dựng các hạng mục công trình thuộc phần vốn Ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý:

11.1. Trụ sở điều hành:

a) Nhà quản lý, điều hành:

Tổng diện tích sàn xây dựng không quá 1.700m², phục vụ cho 50 chức danh thuộc Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu.

Công trình có kết cấu chịu lực bằng bê tông cốt thép (BTCT), tường bao che xây gạch trên nền móng cọc BTCT. Trang bị hệ thống thiết bị điện, nước, chiếu sáng, thông gió cấp nhiệt...đồng bộ.

b) Nhà kiểm nghiệm:

Tổng diện tích sàn xây dựng không quá 1.200m², phục vụ cho hoạt động chuyên ngành kiểm nghiệm và 35 chức danh thuộc Trung tâm Kiểm nghiệm nông nghiệp công nghệ cao trực thuộc Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu.

Công trình có kết cấu chịu lực bằng BTCT, tường bao che xây gạch trên nền móng cọc BTCT. Trang bị hệ thống thiết bị điện, nước, chiếu sáng, thông gió cấp nhiệt...đồng bộ.

c) Nhà nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ:

Tổng diện tích sàn xây dựng không quá 1.600m², phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, đào tạo và 40 chức danh thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao trực thuộc Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu.

Công trình có kết cấu chịu lực bằng bê tông cốt thép (BTCT), tường bao che xây gạch trên nền móng cọc BTCT. Trang bị hệ thống thiết bị điện, nước, chiếu sáng, thông gió cấp nhiệt...đồng bộ.

d) Công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

Xây dựng công trình và thiết bị cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt, đường nội bộ, chiếu sáng, cây xanh...đảm bảo hoạt động đồng bộ cho từng khu nhà: Nhà quản lý, điều hành; Nhà kiểm nghiệm; Nhà nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chuyên giao công nghệ.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đảm bảo thông số theo cột B3 Bảng 1 QCVN 14-MT:2015/BTNMT.

11.2. Công trình hạ tầng giao thông:

a) Tuyến đường N1 khu trung tâm (mở rộng mặt cắt ngang): Tổng chiều dài: 454,64m; Lộ giới: 28,0m; Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm; Hệ thống thoát nước, chiếu sáng dọc tuyến đường; Công trình an toàn giao thông đồng bộ.

b) Tuyến đường N2 khu trung tâm (mở rộng mặt cắt ngang): Tổng chiều dài: 342,14m; Lộ giới: 28,0m; Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm; Hệ thống thoát nước, chiếu sáng dọc tuyến đường; Công trình an toàn giao thông đồng bộ.

c) Tuyến đường N4 khu trung tâm: Tổng chiều dài: 735,33m; Lộ giới: 5,5m; Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm; Công trình chiếu sáng dọc tuyến đường; Công trình an toàn giao thông đồng bộ.

d) Tuyến đường N5* khu trung tâm: Tổng chiều dài: 463,2m; Lộ giới: 11,0m; Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm; Công trình chiếu sáng dọc tuyến đường; Công trình an toàn giao thông đồng bộ.

đ) Tuyến đường N6*: Tổng chiều dài: 130,71m; Lộ giới: 10,0m; Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm; Công trình chiếu sáng dọc tuyến đường; Công trình an toàn giao thông đồng bộ.

e) Các tuyến đường SX1 và SX7 khu sản xuất nuôi tôm: Chiều dài tuyến SX1: 411,17m; Chiều dài tuyến SX7: 408,25m; Bề rộng mặt đường: 3,50m; Mặt đường láng nhựa tiêu chuẩn 4,5kg/m² trên móng cấp phối đá dăm; Công trình an toàn giao thông đồng bộ.

g) Cầu giao thông:

- Cầu qua kênh cấp (kênh dẫn nước mặn): Số lượng 03 cầu; Tải trọng thiết kế: HL93; Mặt cắt ngang 6,0m; Nhịp 18,60m; Chiều dài toàn cầu 22,70m; Kết cấu cầu bê tông và bê tông cốt thép vĩnh cửu.

- Cầu qua kênh Trường Sơn (kênh tiếp nhận nước thải sau xử lý): Số lượng 01 cầu; Tải trọng thiết kế: HL93; Mặt cắt ngang 7,0m; Nhịp 18,60m; Chiều dài toàn cầu 22,70m; Kết cấu cầu bê tông và bê tông cốt thép vĩnh cửu; Đường hai đầu cầu: Chiều dài tuyến: 142,18m; Bề rộng mặt đường 3,5m; Mặt đường láng

nhựa tiêu chuẩn 4,5kg/m² trên móng cấp phối đá dăm. Công trình an toàn giao thông đồng bộ.

11.3. Các công trình khác:

a) Công trình hạ tầng hệ thống thông tin:

Xây dựng hệ thống ống dẫn, cống, bể cáp riêng, cung cấp dịch vụ đến toàn bộ các khu vực của dự án. Ống dẫn cáp thông tin PVC D60, D110 đi chung trong các tunnel kỹ thuật cùng với hệ thống ống cấp nước, cáp điện lực...

b) Công trình xử lý nước thải tập trung:

Xử lý nước thải cho các cơ sở sản xuất trong Khu sản xuất; Tổng diện tích khu xử lý nước thải 4,35ha; Công suất xử lý nước thải dự kiến 2.000m³/ngày đêm; Công nghệ xử lý nước thải dự kiến áp dụng: Ao sinh học kết hợp bể lắng. Nước thải sản xuất sau khi xử lý đảm bảo thông số theo Bảng 2 QCVN 02-19:2014/BNNPTNT.

c) Cống, thường trực Trụ sở điều hành: Cống chính xây dựng trên đường N1, nhà thường trực đồng bộ với công trình cống chính.

12. Các hạng mục công trình thuộc phần vốn huy động hợp pháp khác:

a) Khu triển lãm và dịch vụ: Phục vụ cho hoạt động tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm. Công trình được trang bị hệ thống thiết bị điện, nước, chiếu sáng, thông gió cấp nhiệt, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà... đồng bộ.

b) Nhà ở chuyên gia: Phục vụ cho lưu trú của người làm việc trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu. Công trình được trang bị hệ thống thiết bị điện, nước, chiếu sáng, thông gió cấp nhiệt, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà... đồng bộ.

c) Bến xe; Hồ nước ngọt, công viên cây xanh.

13. Tổng mức đầu tư từ Ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (làm tròn): 194.874.000.000 đồng. (*Bảng chữ: Một trăm chín mươi bốn tỷ, tám trăm bảy mươi bốn triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng; quản lý dự án; tư vấn và chi phí khác: 168.380.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 26.494.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục tổng mức đầu tư kèm theo)

14. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn từ Ngân sách trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý đầu tư cho các hạng mục công trình sau:

- Trụ sở điều hành: Hạng mục công trình nhà quản lý điều hành; Hạng mục công trình nhà kiểm nghiệm; Hạng mục công trình nhà nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chuyên gia công nghệ; Công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà đồng bộ với các hạng mục công trình nêu trên (cáp điện, cáp thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt, đường nội bộ, chiếu sáng, cây xanh...; Cống, thường trực Trụ sở điều hành).

- Công trình hạ tầng giao thông: Cầu, đường giao thông và hệ thống thoát nước, chiếu sáng dọc tuyến đường; Công trình an toàn giao thông đồng bộ.
- Công trình hạ tầng hệ thống thông tin: Cổng, bể để kéo cáp thông tin.
- Công trình xử lý nước thải tập trung.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án cho ban quản lý dự án chuyên ngành/khu vực.

16. Thời gian thực hiện dự án: 04 năm kể từ ngày khởi công (dự kiến từ năm 2020).

17. Thời hạn sử dụng công trình: 50 năm.

18. Các nội dung khác:

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đầu tư hệ thống thiết bị kiểm nghiệm/ kiểm định, trang thiết bị làm việc, bố trí nhân sự vận hành phù hợp cho Trung tâm kiểm nghiệm nông nghiệp công nghệ cao và Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao đảm bảo đồng bộ, phát huy hiệu quả đầu tư các công trình đã xây dựng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu phê duyệt Đề án vị trí việc làm, định biên của Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu và các Trung tâm trực thuộc Ban.

b) Trước khi trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể của Dự án, chủ đầu tư rà soát, bổ sung những nội dung sau:

- Rà soát các hạng mục của dự án, đảm bảo nội dung và khối lượng đầu tư trong Dự án phù hợp: Đề án vị trí việc làm, định biên của Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu và các Trung tâm trực thuộc Ban; Kết quả phê duyệt của UBND Tỉnh đối với kế hoạch/thời gian thực hiện đầu tư các hạng mục thiết bị kiểm nghiệm, thiết bị làm việc, nhân sự vận hành *Trung tâm kiểm nghiệm nông nghiệp công nghệ cao và Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao*; Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; Không trùng lặp với khối lượng đã được địa phương tổ chức đầu tư xây dựng.

- Bổ sung thuyết minh đầy đủ các nội dung về quản lý sử dụng sau đầu tư: Phương thức quản lý, điều hành Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu trong suốt vòng đời dự án; Nhu cầu và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động quản lý sử dụng dự án sau đầu tư; Các nguồn kinh phí hợp pháp, đề xuất các cơ chế đặc thù (nếu cần thiết) đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên, duy tu bảo trì các hạng mục công trình.

- Chủ đầu tư thực hiện quy trình ủy thác quản lý dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Thông tư 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thủy sản thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành; hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

2. Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án.

3. Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường; bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Giám đốc Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- Kho bạc NN tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: VT, TCTS (10 bản).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Loace
Nguyễn Hoàng Hiệp



Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu
(Kèm theo Quyết định số 2560.../QĐ-BNN-TCTS ngày 07/11/2020 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (NSTW do Bộ NN&PTNT quản lý)
I	Trụ sở điều hành	54.124.940
1	Nhà quản lý, điều hành	14.077.700
2	Nhà kiểm nghiệm	9.937.200
3	Nhà nghiên cứu KHKT, chuyển giao CN	13.249.600
4	Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: Nhà quản lý, điều hành; Nhà kiểm nghiệm; Nhà nghiên cứu KHKT&CGCN	16.860.440
4.1	Cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt, đường nội bộ, chiếu sáng, cây xanh...	15.860.440
4.2	Công, thường trực	1.000.000
II	Công trình giao thông	70.196.116
1	Tuyến đường N1 mở rộng	19.364.916
2	Tuyến đường N2 mở rộng	14.587.668
3	Tuyến đường N4	6.140.925
4	Tuyến đường N5*	7.736.730
5	Tuyến đường N6*	2.172.300
6	Tuyến đường SX1	2.472.576
7	Tuyến đường SX7	2.454.528
8	Cầu qua kênh sản xuất (03 cầu)	8.784.151
9	Cầu qua kênh Trường Sơn	2.928.050
10	Tuyến đường 2 đầu cầu qua kênh Trường Sơn	854.272
11	Công trình chiếu sáng đường giao thông	2.700.000
III	Công trình hạ tầng hệ thống thông tin	1.452.809
IV	Công trình xử lý nước thải	42.550.000
A	Tổng cộng (I+II+III)	168.323.865
B	Chi phí lập báo cáo ĐTM dự án	56.000
C	Chi phí dự phòng	26.494.176
	Dự phòng phát sinh khối lượng (10%)	16.832.386
	Dự phòng trượt giá (5,74%)	9.661.790
	Tổng cộng:	194.874.041
	Tổng mức đầu tư (làm tròn)	194.874.000

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn tỷ, tám trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn./.)

Q

✓

